TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HS-ST
Ngày 29 - 7 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Văn Sỹ.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Duy Trâm, bà Vương Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HS ngày 15/7/2020 đối với các bị cáo:

1. Bùi Thị D; sinh năm 1971 tại Nam Định; nơi ĐKNKTT và cư trú: Thôn N, xã H, huyện D, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; con bà Vũ Thị Độp và ông Bùi Văn R (R); chồng là Trần Trí T; có 01 con sinh năm 2003; tiền án: không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn H; sinh năm 1981 tại Thanh Hóa; nơi ĐKNKTT và cư trú: Thôn N, xã H, huyện D, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị N; vợ là Đặng Thị L; có 03 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Công ty TNHH Xây dựng L; địa chỉ: Quốc lộ H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Xuân L – Giám đốc Công ty; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L – Cán bộ kỹ thuật. Văn bản ủy quyền ngày 14/4/2020. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 6/2019 Công ty TNHH L tiến hành tập kết vật liệu để xây dựng đập thủy lợi tại Thôn 9, xã H, huyện D, tỉnh L. Trong thời gian Công ty TNHH L thi công đập thủy lợi, bị cáo Lê Văn H và bị cáo Bùi Thị D xin vào làm công nhân từ đầu tháng 11/2019. Quá trình làm việc tại công trình đập thủy lợi hai bị cáo được phân công làm chung nhóm với nhau. Sau khi làm được khoảng 05 ngày thì bị cáo D phát hiện việc quản lý vật liệu xây dựng của Công ty TNHH L có nhiều kẽ hở nên rủ H lấy trộm sắt để xây dựng nhà và được H đồng ý. Để tránh bị phát hiện, các bị cáo lợi dụng thời điểm khoảng 19 giờ hàng ngày, khi công trình xây dựng không còn ai làm việc và không có người trông coi vật liệu xây dựng, các bị cáo đi bộ đến nơi để vật liệu xây dựng dùng tay kéo từng cây sắt về giấu tại vườn cà phê của H cách đó khoảng 100m, mỗi lần các bị cáo trộm cắp được từ 06 đến 08 cây sắt. Bằng thủ đoạn đó, trong tháng 11/2019 các bị cáo đã trộm cắp nhiều lần được tổng số 132 cây sắt, gồm: 100 cây sắt tròn phi 12, mỗi cây dài 11,7m; 22 cây sắt tròn phi 14, mỗi cây dài 11,7m; 03 cây sắt tròn phi 20, mỗi cây dài 11,7m; 07 cây sắt V7, mỗi cây dài 02m.

Do Công ty TNHH Lphát hiện một số sắt xây dựng để làm đập thủy lợi bị mất nên cho người đi tìm và phát hiện số sắt bị mất được giấu tại vườn cà phê của H tại Thôn 5, xã H, huyện D, tỉnh L nên đã báo cơ quan Công an lập biên bản thu giữ và triệu tập H, D để làm việc. Tại kết luận định giá tài sản số: 43/KL-HĐĐG ngày 06/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D kết luận: Tài sản các bị cáo đã trộm cắp của Công ty TNHH L có tổng trị giá 22.070.000 đồng, gồm: 100 cây sắt tròn phi 12, mỗi cây dài 11,7m, trị giá 15.000.000 đồng; 22 cây sắt tròn phi 14, mỗi cây dài 11,7m, trị giá 4.620.000 đồng; 03 cây sắt tròn phi 20, mỗi cây dài 11,7m, trị giá 1.050.000 đồng; 07 cây sắt V7, mỗi cây dài 2m, trị giá 1.400.000 đồng. Sau đó, cơ quan Điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản nêu trên cho chủ sở hữu.

Quá trình điều tra, các bị cáo Bùi Thị D, Lê Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Tại Bản cáo trạng số 40/CTr-VKS ngày 29/6/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố các bị cáo Bùi Thị D, Lê Văn H về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Thị D, Lê Văn H thành khẩn khai nhận đã thực hiện các hành vi trộm cắp sắt xây dựng của Công ty TNHH L như cáo trạng đã nêu. Các bị cáo thừa nhận việc truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, thể hiện thái độ ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Về phía ông Phạm Xuân Lợi là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH L có đơn bãi nại, không yêu cầu bồi thường và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa khẳng định hành vi của các bị cáo Bùi Thị D, Lê Văn H đã phạm vào tội trộm cắp tài sản. Đề nghị áp dụng Điều 36, Điều 50, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị D từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, đề nghị miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Điều tra viên và của Cơ quan Điều tra Công an huyện D, Kiểm sát viên và của Viện kiểm sát nhân dân huyện D trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình tố tụng bảo đảm cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Đại diện hợp pháp của bị hại Công ty TNHH L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Xét thấy bị hại đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra, việc vắng mặt bị hại không gây trở ngại cho việc xét

xử, cần căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại là đúng pháp luật.

[3] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo Bùi Thị D, Lê Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với biên bản sự việc, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó có cơ sở xác định: Trong quá trình làm việc tại công trình xây dựng đập thủy lợi tại Thôn 9, xã H, huyện D, tỉnh L. Trong thời gian vào tháng 11/2019, các bị cáo D, H đã lợi dụng kẽ hở trong công tác quản lý nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp được tổng số 132 cây sắt xây dựng trị giá 22.070.000 đồng của Công ty TNHH Lam Hồng. Mặc dù không xác định được chính xác trị giá tài sản của từng lần trộm cắp, và trị giá tài sản mỗi lần trộm cắp có thể dưới mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự, nH do điều kiện khách quan buộc các bị cáo phải trộm cắp nhiều lần mới chiếm đoạt được 132 cây sắt xây dựng của Công ty TNHH Lam Hồng. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo tổng trị giá tài sản các bị cáo đã trộm cắp là 22.070.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được bị hại là Công ty TNHH L có đơn bãi nại và đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Trong thời gian qua, các hành vi trộm cắp tài sản xảy ra khá phổ biến tại địa phương, gây bức xúc trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến sản xuất và trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo biết việc trộm cắp tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm nH vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tương xứng nhằm răn đe, giáo dục đối với bản thân các bị cáo và phục vụ công tác phòng ngừa tội phạm. Bị cáo D là người khởi xướng rủ bị cáo H trộm cắp tài sản nên phải chịu mức hình phạt nặng hơn bị cáo H. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều được chính quyền địa phương xác nhận có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo H thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính phủ, là lao động chính nuôi hai con đang học phổ thông; bị cáo D cũng là lao động chính nuôi chồng bị bệnh nhồi

máu cơ tim thường xuyên phải điều trị tại bệnh viện; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tài sản trộm cắp đã thu hồi toàn bộ trả cho chủ sở hữu. Tại phiên tòa, các bị cáo đã nhận ra lỗi lầm và hứa không tái phạm. Vì vậy, cần áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội tự cải tạo để sửa chữa lỗi lầm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Đối với tài sản bị trộm cắp đã thu hồi trả cho bị hại, nay bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[6] Về án phí: Cần buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố bị cáo Bùi Thị D và bị cáo Lê Văn H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Áp dụng Điều 36, Điều 50, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Thị D 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án.

+ Giao cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh L giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Về án phí: Buộc các bị cáo Bùi Thị D, Lê Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- TAND Tỉnh LĐ;
- VKSND tỉnh LĐ;
- VKSND huyện;
- CQ Điều tra Công an huyện;
- CQ Thi hành án hình sự CA huyện;
- Chi cục THADS D;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu án văn (1); hồ sơ (1)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Sỹ